

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 276 /2018/DS-ST

Ngày: 16/10/2018

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- Bà Cao Thị Chính

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nam Ph- sinh năm: 1967

Địa chỉ: 494 đường H, Tp. Q, Bình Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1975

Địa chỉ: 70A đường L, Tp. Q, Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn H, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Lô B2-6 Chung cư T, Tp. Q, Bình Định.

- Anh Nguyễn Thọ Hi, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 494 đường H, Tp. Q, Bình Định.

Tại phiên tòa, chị Ph có mặt, chị T vắng mặt, anh Hi, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nam Ph trình bày:

Ngày 03/7/2017, chị T có vay của chị 500.000.000 đồng, khi vay chị T có viết giấy mượn tiền và ký tên, thời hạn vay là 8 ngày, không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế, giữa chị và chị T có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1.000.000 đồng/ngày. Sau khi vay, chị T trả tiền lãi đúng hạn và khoảng 8 ngày sau chị T đã trả cho chị số tiền gốc 500.000.000 đồng. Sau đó, chị T lại tiếp tục vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 38 ngày, cũng thỏa thuận bằng miệng lãi suất 1.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên hai bên không viết lại giấy mượn tiền mà tiếp tục sử dụng giấy mượn tiền ngày 03/7/2017, chỉ thêm số “3” vào trước số “8” ở “thời gian trả”. Từ lúc vay cho đến nay, chị T đã trả cho chị tổng cộng 40.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Chị thống nhất trừ 40.000.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc. Nay chị yêu cầu chị T trả một lần cho chị 460.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Qua sự giới thiệu của chị S vào ngày 03/7/2017 chị có vay chị Ph số tiền 500.000.000 đồng. Chị vay số tiền này và cho chị S vay lại. Sau 08 ngày, chị đã trả đủ gốc và lãi cho chị Ph là 508.000.000 đồng. Sau đó, chị tiếp tục vay chị Ph 500.000.000 đồng. Khi vay lần hai, chị và chị Ph không viết giấy mượn tiền mà viết thêm vào giấy mượn tiền ngày 03/7/2017 hạn 38 ngày sau sẽ trả. Từ khi vay cho đến nay, chị đã trả cho chị Ph 160.000.000 đồng tiền lãi (trong đó chị trả tiền lãi giúp cho chị S là 120.000.000 đồng, tiền lãi của chị trả cho chị Ph là 40.000.000 đồng), tiền gốc chị chưa trả cho chị Ph. Hiện nay chị S chưa trả lại tiền cho chị và do công việc làm ăn kinh doanh của chị khó khăn nên chưa thể trả một lần 500.000.000 đồng cho chị Ph được, chị xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho chị Ph kể từ ngày 15/02/2018 cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi. Việc chị vay tiền của chị Ph là do một mình chị đứng tên vay không liên quan gì đến anh Trần Văn H vì chị và anh H đã ly hôn từ năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thọ Hi trình bày:

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Nam Ph, trước đây anh có nghe chị Ph cho chị T vay số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn nhưng việc vay mượn đó diễn ra như thế nào và chị T đã trả tiền gốc, tiền lãi hay chưa thì anh không biết. Nay anh thống nhất với yêu cầu của chị Ph là yêu cầu chị T trả một lần cho chị Ph tiền gốc 460.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T đã ly hôn vào ngày 28/5/2015 theo quyết định số 349/2015/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn. Hiện nay anh và chị T không còn quan hệ gì nên việc chị T vay tiền như thế nào anh không biết và không liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng Dân sự .

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Nam Ph số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị T không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ đối với chị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H, anh Nguyễn Thọ Hi nhưng chị T vẫn không có mặt tại phiên tòa, riêng anh H, anh Hi có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn H, anh Nguyễn Thọ Hi.

[2] Về nội dung:

Ngày 03/7/2017 chị Nguyễn Thị Nam Ph có cho chị Nguyễn Thị T vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 38 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay đến nay chị T chưa trả gốc cho chị Ph và chỉ trả được 40.000.000 đồng tiền lãi. Về phía

bị đơn chị Nguyễn Thị T thừa nhận hiện nay còn nợ chị Ph 500.000.000 đồng nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc kinh doanh thua lỗ nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Các bên đương sự đã thống nhất về số tiền nợ nhưng không thống nhất về cách trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Nguyễn Thị Nam Ph cho chị Nguyễn Thị T vay 500.000.000 đồng được thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 03/7/2017, tuy trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng cả hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận miệng với lãi suất 1.000.000 đồng/ngày. Từ khi vay đến nay, chị T chưa trả tiền gốc cho chị Ph và đã trả được 40.000.000 đồng tiền lãi. Mặc dù khi trả lãi cho chị Ph, hai bên không viết giấy nhưng chị Ph thừa nhận chị Ty đã trả cho chị 40.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý trừ số tiền lãi vào tiền gốc. Như vậy, số tiền gốc chị T còn nợ chị Ph là 460.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Ph yêu cầu chị T trả một lần cho chị tiền gốc 460.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy: Hợp đồng vay giữa chị Nguyễn Thị Nam Ph và chị Nguyễn Thị T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, chị Ph yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T không thực hiện đầy đủ việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay chị Ph yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị một lần tiền gốc 460.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với khoản tiền lãi 40.000.000 đồng, chị Ph đồng ý trừ vào tiền gốc và chị Ph không yêu cầu chị T trả tiền lãi đối với số tiền gốc 460.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của chị Ph và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu của chị T xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ không được chị Ph chấp nhận và cũng không phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với số tiền 120.000.000 đồng chị T khai trả tiền lãi thay cho chị Nguyễn Thị S, tuy nhiên qua làm việc, chị S khai chỉ giới thiệu chị T vay tiền của chị Ph, sau đó hai bên giao tiền và trả tiền gốc, lãi như thế nào chị không biết. Trong quá trình làm việc, chị T không đến Tòa để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời chị T cũng không có đơn yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền 120.000.000 đồng. Tòa sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 22.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Nam Ph không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nam Ph. Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Nam Ph số tiền gốc còn nợ là 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Nam Ph về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ là 460.000.000 đồng.

3. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

4. Đối với số tiền 120.000.000 đồng chị Nguyễn Thị T khai trả tiền lãi thay cho chị Nguyễn Thị S; chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 22.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Nam Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Ph 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005597 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

